TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2024/DS-PT
Ngày: 22 - 3 - 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DSST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T; Sinh năm 1954; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh S; Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị M; Nơi cư trú: Số C, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông và bà Võ Thị M là bạn bè làm ăn chung, do bà M cần vốn để kinh doanh trái cây nên bà M mượn ông số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 25/4/2023, ông chuyển khoản cho bà M số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp đến số tài khoản 6902205350264, tên tài khoản Võ Thị M.

Ngày 05/7/2023, ông chuyển khoản cho bà M số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp đến số tài khoản 6902205350264, tên tài khoản Võ Thị M.

Mục đích của bà M mượn tiền để làm vốn kinh doanh thu mua trái cây cho cá nhân, thời hạn vay tiền sau khi bán trái cây xong bà M sẽ trả lại tiền cho ông T, ngày 16/7/2023 bà M có chuyển khoản trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng từ số tài khoản 6902205350264 của bà M, đến ngày 25/7/2023 ông yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả với lý do người mua không trả tiền cho bà. Nay ông yêu cầu bà M trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị M trình bày:

Bà thừa nhận có nhận số tiền 400.000.000 đồng từ ông T chuyển đến cho bà qua số tài khoản 6902205350264 đăng ký giao dịch tại huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/4/2023 số tiền 200.000.000 đồng và vào ngày 05/7/2023 số tiền 200.000.000 đồng, mục đích chuyển tiền do ông T có quan hệ tình cảm và muốn gắn kết lâu dài với bà nên mới chuyển cho bà số tiền 400.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh mua bán trái cây nhưng đã bị thua lỗ hết. Đến ngày 16/7/2023, do ông T cần tiền để trả nợ cho người khác nên bà đã chuyển trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng từ số tài khoản 6902205350264 của bà.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà không đồng ý vì số tiền 300.000.000 đồng là do ông tự nguyện cho bà chứ bà không có vay mượn của ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 6, Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 166, Điều 457 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc yêu cầu bà Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền là 300.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn ông Lê Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Võ Thị M trả cho ông số tiền đã mượn là 300.000.000 đồng.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về nội dung và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông S người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất với quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

Ông S yêu cầu chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm, buộc bà M trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng vì số tiền này ông T cho bà M mượn, chứ không phải tặng cho.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên toàn bộ kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS, ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn bà Võ Thị M không thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Bà M cho rằng số tiền ông T chuyển khoản 2 lần số tiền 400.000.000 đồng là tặng cho bà mua bán trái cây. Sau đó, ông T cần tiền bà chuyển cho ông mượn lại số tiền 100.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, buộc bà Võ Thị M có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T cho rằng do bà M cần vốn để kinh doanh trái cây nên bà M mượn ông số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 25/4/2023, ông T chuyển khoản cho bà Võ Thị M số tiền 200.000.000 đồng đến số tài khoản 6902205350264, tên tài khoản Võ Thị M, theo giấy nộp tiền ngày 25/4/2023 tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp, trong đó phí chuyển khoản là 110.000 đồng, tổng số tiền giao dịch là 200.110.000 đồng.

Ngày 05/7/2023, ông T chuyển khoản cho bà M số tiền 199.890.000 đồng đến số tài khoản 6902205350264, tên tài khoản Võ Thị M theo giấy nộp tiền ngày 05/7/2023 tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp, trong đó phí chuyển khoản là 109.940 đồng, tổng số tiền giao dịch là 199.999.940 đồng.

Đến ngày 16/7/2023, bà M chuyển khoản lại cho ông T số tiền 100.000.000 đồng đến số tài khoản 6503250066299, tên chủ tài khoản Lê Văn T của Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Xét kháng cáo của ông T cho rằng số tiền 400.000.000 đồng ông đã chuyển khoản cho bà M vào các ngày 25/4/2023 và ngày 05/7/2023 là tiền cho bà M mượn. Bà M thừa nhận vào ngày 25/4/2023 và ngày 05/7/2023 ông Lê Văn T đã chuyển khoản cho bà M nhận tiền thông qua tài khoản ngân hàng số 6902205350264, chủ tài khoản là Võ Thị M. Tổng số tiền bà M đã nhận là 400.000.000.000 đồng. Bà M cho rằng số tiền trên ông T chuyển khoản cho bà là do ông T có tình cảm với bà nên chuyển khoản tặng cho bà để kinh doanh. Tuy

nhiên, ông T không thừa nhận có quan hệ tình cảm với bà M và mục đích chuyển số tiền trên là cho bà M mượn để làm vốn kinh doanh.

Xét bà M cho rằng số tiền 400.000.000 đồng bà nhận từ ông T là do ông T tặng cho. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 400.000.000 đồng thì ngày 16/7/2023, do ông T cần tiền để trả nợ cho người khác nên bà M chuyển trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng thông qua số tài khoản 6503250066299 của ông T. Ông T thừa nhận ngày 16/7/2023 bà M chuyển trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng nên ông chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà M cho rằng số tiền ông T chuyển khoản cho bà nhận các ngày 25/4/2023 và ngày 05/7/2023 là tiền ông T tặng cho nhưng ông T không thừa nhận và bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh lý do số tiền 300.000.000 đồng mà ông T đã chuyển cho bà M nhận bà là tiền ông T hứa tặng cho bà M. Căn cứ Điều 457 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì số tiền 400.000.000 đồng ông T chuyển cho bà M nhận các ngày 25/4/2023 và ngày 05/7/2023 là tiền vay không lãi chứ không phải tặng cho.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không có căn cứ nên sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà M có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng.

[2] Về án phí:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 105, Điều 166, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T.

Buộc bà Võ Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự:

Bà Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng

(Mười lăm triệu đồng).

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND thành phố V: 01;
- VKSND thành phố V: 01;
- CC THADS thành phố VL: 01;
- Đương sự: 02;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca